

Số: 37/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng
cho sinh viên khoá 21C1, 21C6 và sinh viên các khoá cũ
(Đợt 2_ Tháng 01/2024)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo 713;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2023 - 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 474 sinh viên các khóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 18C1: 06 sinh viên
2. Khóa 19C1: 15 sinh viên
3. Khóa 19C3: 01 sinh viên
4. Khóa 20C1: 37 sinh viên
5. Khóa 20C3: 01 sinh viên
6. Khóa 20C6: 03 sinh viên
7. Khóa 21C1: 384 sinh viên
8. Khóa 21C6: 27 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đủ chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 21C1, 21C6 VÀ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
XÉT ĐỢT 2 _THÁNG 01/2024**

(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
1	18000015	Nguyễn Phát	Tài	Nam	13/12/1999	Đồng Tháp	18C1-CNÔ1		B	6,68	Trung bình	
2	18003272	Phạm Trọng	Hòa	Nam	02/8/2000	Phú Yên	18C1-CNÔ16	A		6,58	Trung bình	
3	18003445	Lê Xuân	Anh	Nam	29/6/2000	Bình Phước	18C1-ĐCN3		B	5,87	Trung bình	
4	18004550	Nguyễn Phi	Công	Nam	30/10/2000	Hà Tĩnh	18C1-ĐĐT3	A	TOEIC 350	5,91	Trung bình	
5	18002463	Trần Mẫn	Đại	Nam	06/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-ĐĐT3			6,05	Trung bình	
6	18002793	Thạch Quốc	Bảo	Nam	28/8/2000	Trà Vinh	18C1-QTM1		B	5,93	Trung bình	
7	19005012	Nguyễn Dương	Hân	Nam	20/02/2000	Hà Tĩnh	19C1-ANM1		B	7,13	Khá	
8	19002121	Đinh Công	Nam	Nam	09/9/1998	Bình Phước	19C1-CCK1	A	B	6,82	Trung bình	
9	19000818	Trần Văn	Phông	Nam	17/11/2000	Quảng Ngãi	19C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,27	Trung bình	
10	19002779	Lương Võ	Hoàn	Nam	31/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK2	A	B	6,23	Trung bình	
11	19005355	Phạm Viết	Thành	Nam	24/6/2000	Lâm Đồng	19C1-CCK5	A	B	6,07	Trung bình	
12	19001900	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	14/4/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ3	A	B	6,32	Trung bình	
13	19000891	Nguyễn Tấn	Kha	Nam	16/5/1997	Bình Định	19C1-CTM1	A	TOEIC 350	7,25	Khá	
14	19000048	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	04/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN1			6,64	Trung bình	
15	19003996	Huỳnh Nhật	Minh	Nam	07/8/2001	Quảng Nam	19C1-ĐCN2	A	B	5,54	Trung bình	
16	19002132	Hồ Văn	Phước	Nam	26/4/2001	Bình Phước	19C1-QTM1		B	6,44	Trung bình	
17	19001970	Nguyễn Trung	Thắng	Nam	05/01/2001	Bình Thuận	19C1-QTM1		TOEIC 350	6,09	Trung bình	
18	19004312	Đặng Ngọc	Đoàn	Nam	01/11/2001	Bình Định	19C1-TĐH1		B	6,41	Trung bình	
19	19004290	Nguyễn Chí	Thanh	Nam	07/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TĐH1	A	B	6,26	Trung bình	
20	19002858	Nguyễn Trương Gia	Hưng	Nam	02/5/2001	Tây Ninh	19C1-TKĐ1		TOEIC 350	7,43	Khá	
21	19003643	Trần Khánh	Duy	Nam	08/11/2001	Long An	19C1-VSL2	A	B	6,68	Trung bình	
22	19004205	Nguyễn Văn	Tân	Nam	29/01/2001	Đắk Lắk	19C3-CNÔ2		B	7,57	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
23	20002833	Lê Khánh	Huy	Nam	05/12/2002	Tiền Giang	20C1-CCK1		TOEIC 350	6,03	Trung bình	
24	20002530	Trần Hữu	Truyện	Nam	15/01/2002	Bến Tre	20C1-CCK1			6,58	Trung bình	
25	20005382	Phùng Trung	Nghĩa	Nam	23/10/2002	Sóc Trăng	20C1-CCK2			6,80	Trung bình	
26	20003406	Nguyễn Hương	Trà	Nam	01/3/2002	Bình Phước	20C1-CCK2			6,74	Trung bình	
27	20000036	Hồ Tấn	Tài	Nam	16/5/2001	Long An	20C1-CĐT1	A		6,34	Trung bình	
28	20007614	Nguyễn Diệu	Nguyễn	Nam	03/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,09	Trung bình	
29	20004338	Lê Thành	Luân	Nam	24/4/2002	Trà Vinh	20C1-CNL1	A		6,31	Trung bình	
30	20003947	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	02/8/2002	Long An	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,24	Trung bình	
31	20004265	Nguyễn Minh	Trí	Nam	08/12/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	6,36	Trung bình	
32	20004295	Đào Linh	Vương	Nam	15/4/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	6,16	Trung bình	
33	20003148	Võ Tiến	Tài	Nam	10/9/2002	Gia Lai	20C1-CNÔ6		TOEIC 350	6,92	Trung bình	
34	20003262	Nguyễn Thành	An	Nam	28/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ7			6,23	Trung bình	
35	20003311	Ôn Nhật	Hào	Nam	19/3/2001	Kiên Giang	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,63	Trung bình	
36	20003226	Võ Minh	Nhật	Nam	09/5/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ7			6,64	Trung bình	
37	20003400	Nguyễn Anh	Quá	Nam	02/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ7			6,28	Trung bình	
38	20003638	Lê Thành	Tính	Nam	09/4/2002	Long An	20C1-CNÔ9			6,29	Trung bình	
39	20002255	Phùng Lê Văn Trung	Hiếu	Nam	09/01/2002	Long An	20C1-ĐCN1	A		6,33	Trung bình	
40	17003131	Nguyễn	Khoa	Nam	11/8/1999	Bình Thuận	20C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	6,15	Trung bình	
41	20004304	Nguyễn Văn Thiên	Lộc	Nam	15/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐCN1	A		6,42	Trung bình	
42	20003084	Lê Thanh	Vương	Nam	26/7/2002	Bình Thuận	20C1-ĐCN1		TOEIC 350	5,71	Trung bình	
43	20004941	Trần Đại	Long	Nam	02/01/2000	Bình Thuận	20C1-ĐĐT2	A		6,53	Trung bình	
44	20005047	Nguyễn Hữu	Quý	Nam	17/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-ĐĐT2			6,02	Trung bình	
45	20005244	Nguyễn Phi	Toàn	Nam	02/6/2002	Bình Phước	20C1-ĐĐT2	A		6,06	Trung bình	
46	20005300	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	17/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐHD1		TOEIC 350	7,22	Khá	
47	20004921	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	31/01/2002	Tiền Giang	20C1-KXD1	A		6,47	Trung bình	
48	20000620	Nguyễn Trần Tấn	Đạt	Nam	09/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2			6,80	Trung bình	
49	20005578	Võ Hoài	Ân	Nam	26/11/2002	Tây Ninh	20C1-NNA1	A		7,56	Khá	
50	20005599	Võ Phạm Đăng	Khôi	Nam	20/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		7,49	Khá	
51	20000666	Đặng Hồng	Hoan	Nữ	06/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTD1			7,09	Khá	
52	20004283	Vũ Quốc	Huy	Nam	14/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTD1	A		7,22	Khá	
53	20000053	Lê Ngọc Yến	Nhi	Nữ	28/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTD1			6,55	Trung bình	
54	20004978	Thân Thanh	Kiệt	Nam	18/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ1		TOEIC 350	7,38	Khá	
55	20003978	Nguyễn Bình	Minh	Nam	15/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ1			6,54	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
56	20003432	Phạm Thế	Nghĩa	Nam	31/12/2002	Tiền Giang	20C1-TKĐ1		TOEIC 350	7,04	Khá	
57	20004601	Võ Việt Quang	Huy	Nam	12/9/2002	Sóc Trăng	20C1-TKĐ2			6,93	Trung bình	
58	20005469	Nguyễn Kim	Hậu	Nam	27/01/2002	Bình Định	20C1-TMD1			6,24	Trung bình	
59	20002947	Đặng Hoàng	Huy	Nam	26/4/2002	Tiền Giang	20C1-TMĐ1			6,78	Trung bình	
60	20005097	Nguyễn Văn Hùng	Tiến	Nam	20/7/2002	Long An	20C3-ĐĐT1	IC3	TOEIC 400	6,39	Trung bình	
61	20002017	Võ Hiếu	Thiện	Nam	20/6/2001	Long An	20C6-CNÔ1	A		6,83	Trung bình	
62	20000377	Tô Ngọc	Lâm	Nam	21/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ2	A		6,90	Trung bình	
63	20002894	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	06/02/2002	Đồng Tháp	20C6-CNÔ2	A		6,88	Trung bình	
64	21002691	Bùi Quốc	Tiến	Nam	17/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK2			6,35	Trung bình	
65	21003922	Nguyễn Tùng Quân	Đạt	Nam	07/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,81	Trung bình	
66	21003887	Đoàn Trung	Hậu	Nam	19/4/2003	Đồng Tháp	21C1-CCK4			6,29	Trung bình	
67	21004535	Ngô Thanh	Liêm	Nam	15/12/2002	Bình Phước	21C1-CCK4			6,70	Trung bình	
68	21004451	Phạm Trọng	Nghĩa	Nam	23/5/2003	Đồng Tháp	21C1-CCK4			5,70	Trung bình	
69	21003936	Đinh Văn	Quang	Nam	09/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4			6,38	Trung bình	
70	21004458	Nguyễn Thái	Tài	Nam	06/11/2002	Bình Thuận	21C1-CCK4			6,00	Trung bình	
71	21004399	Nguyễn Nhật Dĩ	Ân	Nam	18/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNL1		TOEIC 350	6,53	Trung bình	
72	21000519	Hoàng Hùng	Anh	Nam	17/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,29	Khá	
73	21000755	La Nhật	Anh	Nam	03/8/2003	Long An	21C1-CNL1			6,63	Trung bình	
74	21001859	Mai Chí	Cường	Nam	18/9/2003	Bình Thuận	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,25	Khá	
75	21004564	Nguyễn Cao	Cường	Nam	16/11/2003	Kon Tum	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,18	Khá	
76	21001899	Đinh Trí	Đạt	Nam	01/01/2003	Bình Thuận	21C1-CNL1	A		6,60	Trung bình	
77	21001485	Trần Chí	Hiếu	Nam	30/8/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNL1	A		6,33	Trung bình	
78	21000910	Trần Văn	Khiêm	Nam	06/02/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNL1			6,60	Trung bình	
79	21003641	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	27/8/2003	Tiền Giang	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,14	Khá	
80	21003837	Trần Tấn	Lộc	Nam	24/12/2003	Long An	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,46	Trung bình	
81	21000384	Mai Thành	Lợi	Nam	10/7/1996	Thừa Thiên -Huế	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	8,29	Giỏi	
82	21002268	Nguyễn Văn	Mỹ	Nam	04/01/2003	Bến Tre	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,91	Trung bình	
83	21003793	Trần Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	14/9/2003	Long An	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,47	Trung bình	
84	21002450	Trần Văn	Nghĩa	Nam	06/8/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,39	Khá	
85	21003591	Võ Chí	Nghĩa	Nam	25/6/2003	Bến Tre	21C1-CNL1	A		7,38	Khá	
86	21001261	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	07/11/2003	Bến Tre	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,56	Trung bình	
87	21000259	Lê Thành	Phú	Nam	29/12/2001	Long An	21C1-CNL1	A		6,32	Trung bình	
88	21003813	Vũ Thanh	Soạn	Nam	26/5/2003	Đồng Nai	21C1-CNL1	A		7,54	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
89	21003966	Võ Trọng	Tâm	Nam	21/02/2003	Đồng Nai	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,45	Khá	
90	21003573	Trương Nam	Thiên	Nam	25/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNL1	A		6,43	Trung bình	
91	21002255	Mai Văn	Tiến	Nam	11/6/2003	Bến Tre	21C1-CNL1	A		6,60	Trung bình	
92	21002256	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	05/7/2003	Bến Tre	21C1-CNL1			6,67	Trung bình	
93	21004642	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	19/01/2003	Bến Tre	21C1-CNL1	A		7,14	Khá	
94	21000169	Võ Quang	Trình	Nam	06/6/1996	Quảng Ngãi	21C1-CNL1	A		7,67	Khá	
95	21003794	Phùng Xuân	Trường	Nam	04/8/2003	Vĩnh Phúc	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,62	Trung bình	
96	21000286	Nguyễn Thiên	Vương	Nam	09/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,78	Khá	
97	21004480	Võ Thị Tâm	Đoan	Nữ	09/11/2003	Tây Ninh	21C1-CNM1	A	TOEIC 350	6,92	Trung bình	
98	21001977	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	17/10/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CNM1	A		6,83	Trung bình	
99	21002833	Võ Thị Diệu	Linh	Nữ	30/4/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,93	Khá	
100	21000652	Thị Thu	Linh	Nữ	01/01/2003	Bạc Liêu	21C1-CNM1	A		7,53	Khá	
101	21004187	Tô Nguyễn Ngọc	Nhi	Nữ	07/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNM1	A		6,78	Trung bình	
102	21003603	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhu	Nữ	31/8/2003	Bến Tre	21C1-CNM1	A		7,67	Khá	
103	21003194	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	26/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNM1			7,44	Khá	
104	21001367	Trần Dương Huyền	Trân	Nữ	02/4/2003	Tiền Giang	21C1-CNM1			6,91	Trung bình	
105	21001273	Nguyễn Ngọc Bích	Tuyền	Nữ	24/7/2003	Long An	21C1-CNM1			7,45	Khá	
106	21002519	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	02/10/2001	Gia Lai	21C1-CNM1	A		7,26	Khá	
107	21000681	Dương Văn	An	Nam	06/10/2002	Long An	21C1-CNÔ1		TOEIC 350	7,24	Khá	
108	21000669	Nguyễn Tiến Xuân	Bình	Nam	06/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1			6,48	Trung bình	
109	21000012	K	Brus	Nam	04/5/2002	Lâm Đồng	21C1-CNÔ1		TOEIC 350	6,90	Trung bình	
110	21000371	Trần Văn	Đại	Nam	13/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1		TOEIC 350	6,90	Trung bình	
111	21000056	Bùi Quang	Đạo	Nam	20/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	8,23	Giỏi	
112	21000231	Điền Tất	Đạt	Nam	09/9/2003	Vĩnh Long	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,63	Khá	
113	21000180	Nguyễn Trường	Giang	Nam	26/3/2003	Long An	21C1-CNÔ1	A		6,81	Trung bình	
114	21003580	Trần Tôn Gia	Hào	Nam	19/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1			7,11	Khá	
115	21000567	Ngụy Trí	Hiếu	Nam	23/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,30	Khá	
116	21000204	Nguyễn Xuân	Hung	Nam	05/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1			6,95	Trung bình	
117	21000392	Lý Minh	Huy	Nam	28/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1			6,70	Trung bình	
118	21000731	Hà Duy	Khánh	Nam	12/11/2003	Vĩnh Long	21C1-CNÔ1	A		7,21	Khá	
119	21000718	Nguyễn Quốc	Kiệt	Nam	02/9/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ1	A		7,27	Khá	
120	21000176	Đặng Thành	Linh	Nam	26/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1	A		7,53	Khá	
121	21000133	Lê Thành	Lộc	Nam	30/01/2001	Long An	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,65	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
122	21000723	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	08/5/2001	Kiên Giang	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	8,08	Giỏi	
123	21000211	Hồ Thanh	Long	Nam	09/10/2000	Long An	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	8,18	Giỏi	
124	21000491	Dương Văn	Nam	Nam	10/3/1999	Thanh Hoá	21C1-CNÔ1	A		7,04	Khá	
125	21001190	Dương Minh	Quang	Nam	16/11/2003	Gia Lai	21C1-CNÔ1	A		6,82	Trung bình	
126	21000088	Sính Mí	Sinh	Nam	26/3/2001	Đắk Lắk	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,88	Trung bình	
127	21000734	Trần Văn Hồng	Son	Nam	27/3/2003	Bình Phước	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,71	Trung bình	
128	21000041	Nguyễn Minh	Thành	Nam	14/8/2000	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ1	A		8,26	Giỏi	
129	21000707	Vương Phước	Thành	Nam	22/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,70	Trung bình	
130	21000428	Tạ Phúc	Thiện	Nam	09/6/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,68	Khá	
131	21000697	Nguyễn Ngọc	Trung	Nam	22/02/2002	Tiền Giang	21C1-CNÔ1	A		6,67	Trung bình	
132	21000637	Trần Kỳ Nhật	Trường	Nam	23/02/2002	Lâm Đồng	21C1-CNÔ1	A		7,19	Khá	
133	21000733	Trần Văn Đức	Trường	Nam	21/10/2003	Bình Phước	21C1-CNÔ1			6,67	Trung bình	
134	21002063	Hoàng Gia	Bảo	Nam	08/9/2003	Bình Phước	21C1-CNÔ10			6,01	Trung bình	
135	21002109	Nguyễn Văn	Bìn	Nam	29/8/2003	Phú Yên	21C1-CNÔ10			6,61	Trung bình	
136	21002305	Mai Thành	Chuẩn	Nam	21/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10			7,03	Khá	
137	21002249	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	14/9/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ10			6,50	Trung bình	
138	21002135	Huỳnh Văn	Đức	Nam	27/11/2002	Cần Thơ	21C1-CNÔ10		TOEIC 350	6,58	Trung bình	
139	21002242	Trần Thanh	Duy	Nam	17/3/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ10	A		7,16	Khá	
140	21002251	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	31/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10			6,83	Trung bình	
141	21002214	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	20/01/2003	Hưng Yên	21C1-CNÔ10			5,99	Trung bình	
142	21002133	Phan Văn	Khải	Nam	01/4/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ10			6,37	Trung bình	
143	21002074	Lê	Khang	Nam	19/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10			6,91	Trung bình	
144	21002236	Lê Minh	Khoa	Nam	11/4/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ10			6,58	Trung bình	
145	21002132	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	24/11/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ10			6,03	Trung bình	
146	21002112	Huỳnh Minh	Lục	Nam	07/12/2003	Bình Định	21C1-CNÔ10			6,24	Trung bình	
147	21001815	Nguyễn Văn	Mến	Nam	08/01/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ10			6,89	Trung bình	
148	21002346	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	08/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10			6,77	Trung bình	
149	21002446	Nguyễn Thanh	Nam	Nam	28/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10			6,57	Trung bình	
150	21002393	Đình Hoàng	Phúc	Nam	26/5/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10			7,08	Khá	
151	21002069	Nguyễn Trần Hồng	Quốc	Nam	02/3/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ10			6,24	Trung bình	
152	21002115	Đỗ Nhật	Quý	Nam	26/6/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ10			6,19	Trung bình	
153	21002488	Nguyễn Viết	Quyền	Nam	27/11/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CNÔ10			6,25	Trung bình	
154	21002489	Đỗ Danh	Sáng	Nam	13/5/2003	Bắc Ninh	21C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	7,41	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
155	21002212	Đinh Trường	Son	Nam	10/02/2003	Lâm Đồng	21C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	7,24	Khá	
156	21002317	Đặng Phúc	Tài	Nam	19/11/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ10			7,01	Khá	
157	21002218	Phạm Tuấn	Tài	Nam	27/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10		TOEIC 350	6,40	Trung bình	
158	21002366	Trương Tuấn	Thanh	Nam	26/7/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ10			6,42	Trung bình	
159	21001998	Lê Tấn	Thành	Nam	20/7/2003	Ninh Thuận	21C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,84	Trung bình	
160	21002385	Lê Văn	Thế	Nam	29/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ10			6,54	Trung bình	
161	21002144	Trần Minh	Triết	Nam	12/7/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ10			6,36	Trung bình	
162	21000739	Lê Nguyễn Trọng	Ân	Nam	11/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,40	Khá	
163	21000737	Ngô Duy	Ân	Nam	07/9/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ2	A		6,53	Trung bình	
164	21000869	Đoàn Chí	Bảo	Nam	21/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2	A		6,62	Trung bình	
165	21000843	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	30/01/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,40	Trung bình	
166	21000803	Võ Thái	Đạt	Nam	06/8/2003	Long An	21C1-CNÔ2	A		7,00	Khá	
167	21000778	La Thành	Đề	Nam	22/10/2003	Long An	21C1-CNÔ2	A		7,79	Khá	
168	21000771	Đặng Thái	Hào	Nam	03/02/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ2			6,54	Trung bình	
169	21000861	Phạm Văn	Hào	Nam	03/6/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ2	A		7,59	Khá	
170	21000815	Nguyễn Thanh	Huân	Nam	20/5/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ2			6,61	Trung bình	
171	21000837	Nguyễn Khánh	Huy	Nam	30/11/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ2	A		7,18	Khá	
172	21000858	Trần Quốc	Kiện	Nam	20/9/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ2	A		7,82	Khá	
173	21000863	Lê Hoàng Tuấn	Kiệt	Nam	07/9/2002	Tiền Giang	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,23	Khá	
174	21001294	Trần	Kỳ	Nam	19/10/2003	Trà Vinh	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	8,00	Giỏi	
175	21000874	Lê Duy	Minh	Nam	23/7/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ2	A		6,74	Trung bình	
176	21000785	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	11/4/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ2	A		7,28	Khá	
177	21000884	Thạch Sô	Phắc	Nam	20/4/2003	Trà Vinh	21C1-CNÔ2	A		6,17	Trung bình	
178	21000805	Đào Duy	Phong	Nam	16/01/2002	Ninh Thuận	21C1-CNÔ2			6,15	Trung bình	
179	21001356	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	25/10/2002	Tiền Giang	21C1-CNÔ2	A		6,93	Trung bình	
180	21000742	Phan Tấn	Phúc	Nam	03/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2	A		7,43	Khá	
181	21000879	Phan Thanh	Phương	Nam	20/12/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ2	A		6,67	Trung bình	
182	21000860	Phan Văn	Quân	Nam	09/02/2003	Long An	21C1-CNÔ2			6,00	Trung bình	
183	21000740	Trần Hà Hồng	Quang	Nam	29/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,83	Khá	
184	20002396	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	28/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2			6,13	Trung bình	
185	21000881	Nguyễn Cao	Tân	Nam	23/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2	A		6,73	Trung bình	
186	21000765	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	24/7/2002	Lâm Đồng	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,84	Khá	
187	21000763	Hồ Minh	Tấn	Nam	17/12/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ2			6,98	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
188	21000836	Nguyễn Ngọc	Thái	Nam	11/5/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,27	Khá	
189	21000741	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	11/11/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ2	A		7,08	Khá	
190	21000840	Phan Thanh	Tiến	Nam	10/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	8,00	Giỏi	
191	21000824	Dương Nguyễn Trung	Tín	Nam	17/9/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ2			6,78	Trung bình	
192	21000830	Nguyễn Thành	Toàn	Nam	29/11/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ2			6,78	Trung bình	
193	21001804	Lê Chí	Tường	Nam	07/10/2003	Lâm Đồng	21C1-CNÔ2			6,72	Trung bình	
194	21001282	Bùi Trọng Tuấn	Vũ	Nam	01/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ2	A		7,05	Khá	
195	21000897	Phạm Bảo	Anh	Nam	29/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ3			6,85	Trung bình	
196	21000991	Nguyễn Tuấn	Duy	Nam	19/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ3			7,52	Khá	
197	21000999	Lê Trường	Giang	Nam	09/4/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ3			6,29	Trung bình	
198	21000908	Nguyễn Minh	Gương	Nam	08/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ3			7,25	Khá	
199	21000965	Phạm Trần Nhật	Hào	Nam	27/7/2003	Bạc Liêu	21C1-CNÔ3			7,00	Khá	
200	21000954	Ngô Minh	Hiếu	Nam	06/11/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ3			6,77	Trung bình	
201	21000926	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	24/5/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ3			7,14	Khá	
202	21000987	Bạch Hữu	Huy	Nam	18/6/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ3			6,25	Trung bình	
203	21000894	Đỗ Xuân	Huy	Nam	14/7/2003	Bình Phước	21C1-CNÔ3			6,71	Trung bình	
204	21001001	Nguyễn Cao	Huy	Nam	17/5/2003	Kiên Giang	21C1-CNÔ3			6,51	Trung bình	
205	21001912	Nguyễn Lê Công	Nguyên	Nam	11/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ3			6,24	Trung bình	
206	21000903	Trần Tấn	Phát	Nam	08/12/2002	Lâm Đồng	21C1-CNÔ3			6,63	Trung bình	
207	21001008	Nguyễn Thành	Phú	Nam	09/12/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CNÔ3			6,27	Trung bình	
208	21000997	Nguyễn Duy	Phương	Nam	13/8/2003	Khánh Hoà	21C1-CNÔ3			6,49	Trung bình	
209	21001295	Nguyễn Tuấn	Quân	Nam	31/10/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CNÔ3			6,87	Trung bình	
210	21000958	Trịnh Nhật	Thông	Nam	29/5/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ3			6,73	Trung bình	
211	21000977	Trần Ngọc	Tiến	Nam	19/02/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ3			7,61	Khá	
212	21000952	Lê Minh	Triết	Nam	05/10/2003	Long An	21C1-CNÔ3			6,62	Trung bình	
213	21000900	Bùi Thế	Trung	Nam	02/02/2003	Quảng Bình	21C1-CNÔ3			6,94	Trung bình	
214	21000988	Nguyễn Đức	Trung	Nam	25/12/2003	Ninh Thuận	21C1-CNÔ3			6,96	Trung bình	
215	21000992	Đinh Quang	Trường	Nam	31/10/2003	Lâm Đồng	21C1-CNÔ3			6,70	Trung bình	
216	21000962	Trương Chí	Vện	Nam	15/6/2003	Bạc Liêu	21C1-CNÔ3			6,76	Trung bình	
217	21001071	Nguyễn Minh	Chí	Nam	19/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ4			6,44	Trung bình	
218	21001033	Trần Minh	Chiến	Nam	19/4/2002	Bình Phước	21C1-CNÔ4			7,20	Khá	
219	21001111	Đặng Đình	Chương	Nam	17/8/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ4			6,91	Trung bình	
220	21001297	Nguyễn Trung	Cường	Nam	15/9/2003	Kiên Giang	21C1-CNÔ4			6,50	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
221	21001080	Trần Nguyễn Hải	Đăng	Nam	16/8/2002	Lâm Đồng	21C1-CNÔ4	A		6,77	Trung bình	
222	21001043	Đỗ Ngọc	Dũng	Nam	10/3/2003	Long An	21C1-CNÔ4			6,54	Trung bình	
223	21001056	Đỗ Hữu	Duy	Nam	20/01/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ4			6,95	Trung bình	
224	21002621	Lê Trần Anh	Duy	Nam	16/5/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ4			6,56	Trung bình	
225	21001134	Lê Thái	Hiển	Nam	12/01/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ4			7,37	Khá	
226	21001034	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	20/01/2000	An Giang	21C1-CNÔ4	A		7,27	Khá	
227	21001105	Nguyễn Lê Việt	Hoàng	Nam	05/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ4			6,34	Trung bình	
228	21001032	Trần Dương	Khánh	Nam	21/4/2002	Bình Phước	21C1-CNÔ4	A		6,80	Trung bình	
229	21001118	Nguyễn Thành	Nam	Nam	09/10/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ4			6,60	Trung bình	
230	21001113	Phan Thành	Nhân	Nam	19/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	7,26	Khá	
231	21001041	Phạm Minh	Phương	Nam	06/7/2003	Long An	21C1-CNÔ4			6,76	Trung bình	
232	21001129	Phạm Hữu	Quốc	Nam	27/10/2003	Kiên Giang	21C1-CNÔ4			7,11	Khá	
233	21001035	Nguyễn Hữu	Tâm	Nam	28/02/2002	Bình Phước	21C1-CNÔ4			6,75	Trung bình	
234	21001072	Trần Anh	Tuấn	Nam	14/8/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ4			6,83	Trung bình	
235	21001090	Nguyễn Trần Huỳnh	Tỳ	Nam	06/5/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ4			6,82	Trung bình	
236	21001114	Hồ Khắc	Vinh	Nam	07/5/2003	Long An	21C1-CNÔ4			7,48	Khá	
237	21001223	Nguyễn Hoàng	Bảo	Nam	20/12/2003	Bạc Liêu	21C1-CNÔ5	A		7,59	Khá	
238	21001160	Nguyễn Phước	Dũng	Nam	11/7/2003	Phú Yên	21C1-CNÔ5			6,47	Trung bình	
239	21001226	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	15/11/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ5			6,92	Trung bình	
240	21001181	Nguyễn Minh	Hải	Nam	25/3/2003	Đắk Nông	21C1-CNÔ5	A		6,61	Trung bình	
241	21001170	Nguyễn Quang	Huy	Nam	30/8/2002	Đồng Tháp	21C1-CNÔ5	A		6,61	Trung bình	
242	21001152	Đoàn Minh	Khang	Nam	21/01/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	6,94	Trung bình	
243	21001145	Dương Minh	Khang	Nam	16/9/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ5			6,66	Trung bình	
244	21001252	Võ Minh	Khánh	Nam	10/3/2003	Long An	21C1-CNÔ5			6,74	Trung bình	
245	21004091	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	19/9/2003	Long An	21C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	8,18	Giỏi	
246	21001195	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	14/12/2003	Long An	21C1-CNÔ5	A		6,87	Trung bình	
247	21001150	Bùi Hoàng	Phúc	Nam	30/9/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ5			7,14	Khá	
248	21001164	Lê Đình	Phúc	Nam	17/01/2003	Phú Yên	21C1-CNÔ5			6,96	Trung bình	
249	21001167	Hồ Văn	Phương	Nam	20/6/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ5			7,28	Khá	
250	21001192	Phan Chí	Phương	Nam	22/7/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ5			7,25	Khá	
251	21001178	Phan Kế	Quang	Nam	12/10/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ5			6,75	Trung bình	
252	21001246	Huỳnh Quang	Quốc	Nam	22/11/2003	Long An	21C1-CNÔ5			6,28	Trung bình	
253	21001168	Vũ Trần Ngọc	Thạch	Nam	25/7/2003	Kiên Giang	21C1-CNÔ5			7,33	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
254	21001144	Đình Quốc	Trung	Nam	10/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ5			6,58	Trung bình	
255	21001334	Nguyễn Văn	Cảnh	Nam	14/11/2003	Phú Yên	21C1-CNÔ6			6,64	Trung bình	
256	21001103	Trương Ngọc	Đan	Nam	21/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ6			6,86	Trung bình	
257	21001410	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	26/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ6			6,95	Trung bình	
258	21001391	Trần Quốc	Dinh	Nam	08/12/1997	Bến Tre	21C1-CNÔ6			6,52	Trung bình	
259	21001373	Nguyễn Nhật	Hào	Nam	15/8/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ6	A		7,13	Khá	
260	21001418	Lê Xuân	Huynh	Nam	27/11/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ6			6,96	Trung bình	
261	21001288	Trần Anh	Khoa	Nam	31/12/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	7,53	Khá	
262	21001372	Nguyễn Hoàng Tuấn	Kiệt	Nam	01/7/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	7,40	Khá	
263	21001290	Phạm Chí	Long	Nam	24/12/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ6			6,32	Trung bình	
264	21001370	Trần Vĩnh	Long	Nam	28/3/2003	Bình Phước	21C1-CNÔ6			6,71	Trung bình	
265	21001423	Lục Văn	Luân	Nam	08/3/2002	Đắk Lắk	21C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	6,82	Trung bình	
266	21001412	Nguyễn Thái	Mỹ	Nam	19/01/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ6			6,09	Trung bình	
267	21001305	Tăng Tấn	Phát	Nam	07/3/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ6			6,88	Trung bình	
268	21001180	Phạm Ngọc	Thành	Nam	05/01/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ6			7,26	Khá	
269	21001324	Vũ Nguyễn Duy	Thông	Nam	18/11/2003	Bình Phước	21C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	7,05	Khá	
270	21001331	Lê Ngọc	Tình	Nam	14/7/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ6			7,91	Khá	
271	21001336	Mai Quốc	Toàn	Nam	21/10/2002	Đắk Nông	21C1-CNÔ6			6,58	Trung bình	
272	21001375	Vàng A	Tuấn	Nam	01/02/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ6			6,70	Trung bình	
273	21001431	Phan Văn	An	Nam	03/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ7			6,41	Trung bình	
274	21002941	Nguyễn Công	Anh	Nam	25/8/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CNÔ7			7,07	Khá	
275	21001487	Nguyễn Thế	Bình	Nam	05/12/2003	Đồng Nai	21C1-CNÔ7			6,65	Trung bình	
276	21001461	Dương Tuấn	Bồi	Nam	26/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ7			6,57	Trung bình	
277	21001526	Nguyễn Hữu	Đan	Nam	26/4/2003	Khánh Hoà	21C1-CNÔ7			6,69	Trung bình	
278	21001484	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	07/8/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ7			6,34	Trung bình	
279	21001559	Nguyễn Lê Minh	Duy	Nam	19/3/2003	Lâm Đồng	21C1-CNÔ7			6,72	Trung bình	
280	21001595	Đỗ Tấn	Hiếu	Nam	11/10/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ7			6,44	Trung bình	
281	21001435	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	17/11/2003	Bình Dương	21C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,97	Trung bình	
282	21001549	Trần Minh	Hiếu	Nam	13/9/2003	Lâm Đồng	21C1-CNÔ7			6,83	Trung bình	
283	21002622	Trần Tuấn	Hung	Nam	05/9/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CNÔ7			6,43	Trung bình	
284	21001464	Nguyễn Tín	Khôi	Nam	30/5/2003	Phú Yên	21C1-CNÔ7			6,29	Trung bình	
285	21001715	Huỳnh Tấn	Lộc	Nam	30/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	7,27	Khá	
286	21001490	Lê	Minh	Nam	06/3/2003	Bình Dương	21C1-CNÔ7	A		6,80	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
287	21001560	Phạm Đăng Khải	Minh	Nam	29/8/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ7			6,48	Trung bình	
288	21001503	Lê Nhựt	Nguyên	Nam	02/11/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ7			6,44	Trung bình	
289	21001450	Nguyễn Phạm Trung	Nhân	Nam	08/4/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,71	Trung bình	
290	21001481	Phạm Trường	Phát	Nam	02/6/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ7			6,59	Trung bình	
291	21001607	Phùng Tấn	Phát	Nam	19/8/2003	Long An	21C1-CNÔ7			6,74	Trung bình	
292	21001478	Triệu Minh	Phát	Nam	12/11/2002	Long An	21C1-CNÔ7			6,54	Trung bình	
293	19004384	Nguyễn Thành	Phước	Nam	20/12/2001	Bến Tre	21C1-CNÔ7			6,21	Trung bình	
294	21001120	Võ Ngọc Vinh	Quang	Nam	03/5/2003	Đắk Lắk	21C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,74	Trung bình	
295	21001486	Đỗ Ái	Quốc	Nam	11/11/2003	Đắk Nông	21C1-CNÔ7		TOEIC 350	6,78	Trung bình	
296	21001449	Lưu Duy	Tình	Nam	10/9/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ7	A		6,42	Trung bình	
297	21001568	Nguyễn Ngọc	Trí	Nam	21/9/2003	Bình Phước	21C1-CNÔ7	A		7,47	Khá	
298	21001555	Nguyễn Đức	Trường	Nam	27/12/2003	Nghệ An	21C1-CNÔ7		TOEIC 350	6,64	Trung bình	
299	21001775	Trần Đình Bảo	Cường	Nam	03/10/2003	Đắk Nông	21C1-CNÔ8			6,37	Trung bình	
300	21001666	Trương Hữu	Đức	Nam	08/11/2003	Bình Định	21C1-CNÔ8			6,85	Trung bình	
301	21001718	Nguyễn Thái	Duy	Nam	11/10/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ8			7,20	Khá	
302	21001722	Phạm Huy	Hoàng	Nam	15/9/2002	Thái Nguyên	21C1-CNÔ8			6,64	Trung bình	
303	21001668	Nguyễn Vũ	Lâm	Nam	05/8/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ8			6,92	Trung bình	
304	21001648	Trần Quang	Minh	Nam	02/10/2003	Kiên Giang	21C1-CNÔ8			6,71	Trung bình	
305	21002952	Trần Hoàng	Nam	Nam	29/9/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ8	A		7,34	Khá	
306	21001724	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	Nam	23/10/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ8			6,32	Trung bình	
307	21001665	Liêu Thế	Nhân	Nam	29/7/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ8			7,00	Khá	
308	21001670	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	23/6/2003	Đồng Tháp	21C1-CNÔ8	A		7,28	Khá	
309	21001703	Huỳnh Quang	Sang	Nam	11/7/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ8	A		7,16	Khá	
310	21001651	Trần Lộc	Tài	Nam	26/4/2003	Bình Thuận	21C1-CNÔ8			7,00	Khá	
311	21000934	Huỳnh Chí	Thành	Nam	11/01/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ8		TOEIC 350	7,14	Khá	
312	21001753	Lê Văn	Thảo	Nam	23/5/2003	An Giang	21C1-CNÔ8			7,18	Khá	
313	21001674	Phạm Thanh	Triêm	Nam	12/10/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ8	A		7,08	Khá	
314	21001679	Lê Quốc	Triệu	Nam	16/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ8			6,54	Trung bình	
315	21001808	Lê Thành	Công	Nam	21/01/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ9			6,41	Trung bình	
316	21001836	Trần Minh	Cường	Nam	28/5/2003	An Giang	21C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,18	Khá	
317	21001810	Lâm Minh	Hoàng	Nam	25/3/2003	Đồng Nai	21C1-CNÔ9			6,81	Trung bình	
318	21001831	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	09/4/2002	Phú Yên	21C1-CNÔ9		TOEIC 350	6,55	Trung bình	
319	20003557	Nguyễn Văn	Khôi	Nam	04/01/2001	Đồng Nai	21C1-CNÔ9			6,23	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
320	21001876	Quách Đình	Luân	Nam	15/02/2003	Cần Thơ	21C1-CNÔ9			6,66	Trung bình	
321	21001907	Phan Công	Lương	Nam	26/3/2003	Phú Yên	21C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,57	Khá	
322	21001985	Huỳnh Lê	Minh	Nam	22/11/2003	Tây Ninh	21C1-CNÔ9		TOEIC 350	6,89	Trung bình	
323	21001924	Lê Trọng	Nhân	Nam	15/8/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,22	Khá	
324	21001625	Trần Hoàng Thiên	Phú	Nam	02/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ9		TOEIC 350	7,12	Khá	
325	21001979	Trần Minh	Quân	Nam	02/10/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ9			6,65	Trung bình	
326	21001883	Nguyễn Hữu	Sang	Nam	12/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ9			6,80	Trung bình	
327	21001934	Hồ Anh	Tài	Nam	26/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ9			7,75	Khá	
328	21001813	Phạm Tấn	Tài	Nam	20/7/2002	Tây Ninh	21C1-CNÔ9			6,25	Trung bình	
329	21001764	Dương Văn	Tấn	Nam	20/5/2003	Tiền Giang	21C1-CNÔ9			6,83	Trung bình	
330	21001802	Lê Hữu	Thọ	Nam	29/10/2003	Bến Tre	21C1-CNÔ9			6,59	Trung bình	
331	21001965	Trương Đình Thanh	Tú	Nam	01/01/2003	Quảng Ngãi	21C1-CNÔ9			6,44	Trung bình	
332	21001995	Phùng Thanh	Tuấn	Nam	03/4/2003	Ninh Thuận	21C1-CNÔ9	A		6,97	Trung bình	
333	21001573	Trịnh Quang	Vũ	Nam	08/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CNÔ9	A		6,36	Trung bình	
334	21001884	Lê Tuấn	Vỹ	Nam	04/6/2003	An Giang	21C1-CNÔ9	A		7,20	Khá	
335	21001927	Đỗ Văn	Yên	Nam	04/8/2002	Tiền Giang	21C1-CNÔ9			6,75	Trung bình	
336	21001542	Nguyễn Anh	Hậu	Nam	13/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐCNI			5,96	Trung bình	
337	21002373	Tạ Tấn	Hưng	Nam	11/01/2003	Đồng Nai	21C1-ĐCNI			6,44	Trung bình	
338	21000625	Nguyễn Hữu	Phú	Nam	01/7/1998	Đồng Nai	21C1-ĐCNI			7,19	Khá	
339	21002460	Huỳnh Lê	Văn	Nam	07/8/1999	Phú Yên	21C1-ĐCNI			6,28	Trung bình	
340	21002345	Nguyễn Bá	Chiến	Nam	08/4/2003	Đắk Nông	21C1-ĐĐT1	IC3		6,37	Trung bình	
341	21004251	Đặng Đình	Đạt	Nam	03/5/2003	Đồng Nai	21C1-ĐĐT1			6,90	Trung bình	
342	21001193	Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	03/8/2003	Ninh Thuận	21C1-ĐĐT1			6,21	Trung bình	
343	21004384	Phạm Huy	Dũng	Nam	20/9/2003	Bình Phước	21C1-ĐĐT1			6,27	Trung bình	
344	21003789	Lê Quang	Phúc	Nam	01/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐĐT1			7,27	Khá	
345	21004221	Lê Nguyễn Minh	Quang	Nam	14/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐĐT1			6,28	Trung bình	
346	21001680	Huỳnh Quốc	Thông	Nam	31/01/2003	Tiền Giang	21C1-ĐĐT1			7,06	Khá	
347	21001834	Nguyễn Thành	Tiến	Nam	28/11/2001	Ninh Thuận	21C1-ĐĐT1			6,58	Trung bình	
348	21001723	Trần Trung	Trực	Nam	05/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐĐT1			6,19	Trung bình	
349	21003393	Nguyễn Hứa Nhựt	Trường	Nam	25/7/2003	Bến Tre	21C1-ĐĐT1			6,57	Trung bình	
350	21002430	Trương Tam	Phong	Nam	01/5/2002	Ninh Thuận	21C1-KLBI			7,47	Khá	
351	21001814	Vĩnh Bảo	Tự	Nam	30/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KLBI	A		7,26	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
352	21001218	Trương Quốc Nhật	An	Nam	08/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KML1			6,70	Trung bình	
353	21000876	Nguyễn Văn	Khá	Nam	02/8/2003	Bình Thuận	21C1-KML1	A		7,24	Khá	
354	21001527	Nguyễn Minh	Lại	Nam	01/01/2003	Kiên Giang	21C1-KML1	A		6,88	Trung bình	
355	21001530	Nguyễn Minh	Phong	Nam	03/8/2003	Kiên Giang	21C1-KML1	A		6,54	Trung bình	
356	21003337	Nguyễn Đắc	Son	Nam	03/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KML1			6,20	Trung bình	
357	21000799	Đặng Tiến	Thảo	Nam	24/6/2003	Bình Thuận	21C1-KML1	A		6,94	Trung bình	
358	21004186	Đỗ Thị Thu	Thảo	Nữ	15/11/2003	Bình Định	21C1-KML1	A		7,65	Khá	
359	21000727	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	14/8/2003	Long An	21C1-KML1	A		7,12	Khá	
360	21001647	Võ Minh	Thuận	Nam	20/11/2001	Bến Tre	21C1-KML1	A		7,46	Khá	
361	21003809	Nguyễn Minh	Toàn	Nam	26/11/2003	Quảng Ngãi	21C1-KML1	A		6,54	Trung bình	
362	21000851	Trịnh Hoài	Tới	Nam	12/9/2003	Kiên Giang	21C1-KML1	A		6,41	Trung bình	
363	21001161	Phạm Văn	Vũ	Nam	06/3/2003	Ninh Bình	21C1-KML1			6,15	Trung bình	
364	21003698	Nguyễn Lưu Thúy	An	Nữ	26/11/2003	Tiền Giang	21C1-KTD1			7,82	Khá	
365	21000033	Ngô Hữu	Hiếu	Nam	06/8/2002	Đắk Lắk	21C1-KTD1		TOEIC 350	7,37	Khá	
366	21004742	Đỗ Trương Long	Hoàng	Nam	01/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1			6,84	Trung bình	
367	21004431	Nguyễn Thị Kim	Hon	Nữ	08/9/2003	Khánh Hoà	21C1-KTD1			6,48	Trung bình	
368	21002896	Hồ Thuỵ Thanh	Huyền	Nữ	10/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1	A		7,71	Khá	
369	21004549	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	23/5/2003	Long An	21C1-KTD1			6,53	Trung bình	
370	21002034	Võ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	18/01/2000	Bình Thuận	21C1-KTD1			6,80	Trung bình	
371	21002168	Hà Thị Thùy	Linh	Nữ	13/5/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1			6,49	Trung bình	
372	21004057	Nguyễn Bá Chí	Minh	Nam	03/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1	A	TOEIC 350	7,84	Khá	
373	21001083	Cao Thanh	Ngân	Nữ	13/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1			6,66	Trung bình	
374	21004492	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	27/5/2003	Bình Thuận	21C1-KTD1			6,75	Trung bình	
375	21000709	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	19/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1	A	TOEIC 350	7,31	Khá	
376	21003731	Trần Tấn	Phát	Nam	13/01/2003	Tây Ninh	21C1-KTD1			6,26	Trung bình	
377	21004103	Nguyễn Huỳnh Tú	Quyên	Nữ	23/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1	A		8,54	Giỏi	
378	21003116	Lê Nguyễn Minh	Thơ	Nữ	11/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1			7,58	Khá	
379	21001631	Trần Thị Quỳnh	Thư	Nữ	14/8/2003	Hậu Giang	21C1-KTD1	A	TOEIC 350	6,65	Trung bình	
380	21001274	Trần Thị	Thuận	Nữ	04/11/2003	Lâm Đồng	21C1-KTD1	A		7,81	Khá	
381	21000807	La Cẩm	Tiên	Nữ	23/8/2003	Nghệ An	21C1-KTD1	A	TOEIC 350	7,27	Khá	
382	21002934	Đỗ Đình	Tĩnh	Nam	04/10/2002	Thanh Hoá	21C1-KTD1	A		6,98	Trung bình	
383	21001382	Trần Nguyễn Kim	Xuân	Nữ	29/10/2003	Long An	21C1-KTD1	A		7,00	Khá	
384	21001139	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	10/10/2003	Long An	21C1-KTD1			6,33	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
385	21001110	Võ Thị Như	Ý	Nữ	17/01/2003	Long An	21C1-KTD1			6,38	Trung bình	
386	21002897	Võ Thị Hải	Yến	Nữ	15/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KTD1	A		7,41	Khá	
387	21003266	Bùi Hữu	Nhân	Nam	30/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KXD1			6,19	Trung bình	
388	21001012	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	11/6/2003	Bình Thuận	21C1-KXD1		TOEIC 350	6,21	Trung bình	
389	21001612	Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	20/11/2003	Tiền Giang	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	6,69	Trung bình	
390	21001760	Bùi Quang	Thắng	Nam	10/9/2003	Quảng Ngãi	21C1-KXD1		TOEIC 350	6,11	Trung bình	
391	21002661	Phạm Hoàng	Anh	Nữ	02/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1			7,69	Khá	
392	21003140	Trần Gia	Bảo	Nam	24/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1			6,79	Trung bình	
393	21003747	Ngô Vũ Hoàng	Lan	Nữ	10/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1			7,69	Khá	
394	21004020	Nguyễn Thị Tường	Ngân	Nữ	30/9/2003	Tiền Giang	21C1-LGT1			7,86	Khá	
395	21001978	Phạm Tiến	Sang	Nam	10/10/2003	Khánh Hoà	21C1-LGT1	A		6,84	Trung bình	
396	21000702	Trần Hoài	Vũ	Nam	08/7/1991	Bình Thuận	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	8,01	Khá	HL TA3
397	21003280	Hoàng Văn	Chính	Nam	16/5/2003	Thanh Hoá	21C1-LTM1			6,67	Trung bình	
398	21001745	Phan Hữu	Thắng	Nam	05/11/2001	Đắk Lắk	21C1-LTM1		TOEIC 350	6,62	Trung bình	
399	21004366	Phạm Huỳnh	An	Nam	13/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		7,07	Khá	
400	21003996	Nguyễn Minh	Hào	Nam	28/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1			7,30	Khá	
401	21001061	Lương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	28/10/2003	Đồng Tháp	21C1-NNA1			6,51	Trung bình	
402	21000849	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	24/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		8,30	Giỏi	
403	20000919	Lê Thị Thúy	Ngân	Nữ	26/9/2002	An Giang	21C1-QKS1			7,76	Khá	
404	21004658	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	21/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QNH1			7,01	Khá	
405	21004587	Trần Khoa	Nguyên	Nam	30/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QNH1			6,52	Trung bình	
406	21004394	Lê Quân	Bảo	Nam	25/4/2003	Sóc Trăng	21C1-QTD1			6,03	Trung bình	
407	21004403	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	27/10/2001	An Giang	21C1-QTD1	A		7,57	Khá	
408	19005008	Lê Minh	Quý	Nam	26/5/1999	Thanh Hoá	21C1-QTD1	A	B	8,29	Giỏi	
409	21003687	Dương Võ	Anh	Nam	30/6/2003	Đồng Tháp	21C1-QTD2		TOEIC 350	6,93	Trung bình	
410	21003544	Nguyễn Ngô Hiếu	Ngọc	Nữ	15/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	8,29	Khá	HL nhiều
411	21003566	Trần Quyền	Quy	Nam	31/10/2003	Đồng Nai	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	6,92	Trung bình	
412	21003518	Nguyễn Thảo	Tâm	Nữ	25/5/2003	Đồng Tháp	21C1-QTD2		TOEIC 350	7,87	Khá	
413	21003482	Nguyễn Ngọc	Chi	Nam	18/12/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-QTM1			6,78	Trung bình	
414	21001787	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	22/5/2002	Thanh Hoá	21C1-QTM1			7,57	Khá	
415	21003415	Trương Phương	Anh	Nữ	30/3/2003	Vĩnh Long	21C1-TCĐ1			6,51	Trung bình	
416	21001286	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	06/6/2003	Bình Thuận	21C1-TCĐ1		TOEIC 350	6,67	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
417	21003589	Phan Thị	Loan	Nữ	09/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TCD1		TOEIC 350	6,99	Trung bình	
418	21003772	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	19/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TCD1	A	TOEIC 350	7,21	Khá	
419	21003721	Nguyễn Thuỳ	Trang	Nữ	23/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TCD1	A	TOEIC 350	7,22	Khá	
420	21003741	Trần Thế	Trực	Nam	17/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TĐH1			7,16	Khá	
421	21002288	Lê Bá Trọng	Ẩn	Nam	30/8/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-TKĐ1			6,71	Trung bình	
422	21000859	Đinh Văn	Duẩn	Nam	20/11/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-TKĐ1			6,90	Trung bình	
423	21002456	Đinh Công Quốc	Huy	Nam	07/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			7,35	Khá	
424	21000811	Ngô Quang	Huy	Nam	05/11/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-TKĐ1			7,15	Khá	
425	21001122	Nguyễn Quốc	Nguyên	Nam	14/7/2003	Long An	21C1-TKĐ1			6,35	Trung bình	
426	21001257	Võ Tường	Nhi	Nữ	31/3/2001	Long An	21C1-TKĐ1			7,68	Khá	
427	21001124	Lê Gia	Thịnh	Nam	17/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			6,90	Trung bình	
428	21002722	Lê Phước	Thịnh	Nam	16/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			7,41	Khá	
429	21002814	Hồ Lương	Vỹ	Nam	10/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			7,16	Khá	
430	21003203	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	24/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,77	Khá	
431	21003676	Trương Tấn	Đạt	Nam	11/12/2002	Đồng Tháp	21C1-TKW1			7,84	Khá	
432	21002518	Nguyễn Tăng	Hiếu	Nam	27/3/2003	Quảng Ngãi	21C1-TKW1			6,84	Trung bình	
433	21001896	Vì Thị Bé	Loan	Nữ	06/02/2003	Đồng Nai	21C1-TKW1		TOEIC 350	7,80	Khá	
434	21001889	Phạm Thành	Long	Nam	05/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKW1			6,63	Trung bình	
435	21003609	Phạm Đăng Lê	Mỹ	Nam	23/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKW1			7,97	Khá	
436	21002068	Phạm Thanh	Phú	Nam	20/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKW1			6,45	Trung bình	
437	21000949	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	10/10/2003	Tây Ninh	21C1-TKW1			6,78	Trung bình	
438	21001837	Lê Thành	Quả	Nam	30/11/2003	Quảng Ngãi	21C1-TKW1			7,08	Khá	
439	21003690	Trần Xuân Nam	Son	Nam	10/10/2003	Hà Nam	21C1-TKW1			7,20	Khá	
440	21000613	Nguyễn Minh	Thành	Nam	16/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKW1		TOEIC 350	6,39	Trung bình	
441	21002044	Nguyễn Chí An	Thuận	Nam	16/11/2003	Kon Tum	21C1-TKW1			6,68	Trung bình	
442	21002324	Lê Thị Huỳnh	Thương	Nữ	07/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKW1		TOEIC 350	7,67	Khá	
443	21004106	Phạm Xuân	Tính	Nam	30/4/2003	Quảng Ngãi	21C1-TKW1			7,02	Khá	
444	21002817	Lê Văn	Trung	Nam	21/12/2003	Bình Phước	21C1-TKW1			6,36	Trung bình	
445	21002515	Lê Văn	Việt	Nam	12/9/2003	Quảng Ngãi	21C1-TKW1			6,96	Trung bình	
446	21003666	Ngô Văn	Phúc	Nam	30/9/2003	An Giang	21C1-TMD1	A		6,99	Trung bình	
447	21001708	Nguyễn Anh	Nam	Nam	06/9/2003	Bình Phước	21C1-VSL1			6,34	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ TH	Chứng chỉ AV	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
448	21001400	Trần Vỹ	Ân	Nam	28/10/2003	Tây Ninh	21C6-CNÔ1			6,67	Trung bình	
449	21000748	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	14/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ1			7,52	Khá	
450	21000942	Trần Công	Đoàn	Nam	18/10/2003	Tiền Giang	21C6-CNÔ1			6,88	Trung bình	
451	21000585	Nguyễn Hữu	Hải	Nam	26/12/2003	Lâm Đồng	21C6-CNÔ1			6,20	Trung bình	
452	21000750	Lê Vĩ	Hòa	Nam	10/8/2003	Bến Tre	21C6-CNÔ1			6,14	Trung bình	
453	21000746	Võ Minh	Kha	Nam	03/3/2003	Đồng Tháp	21C6-CNÔ1	IC3		7,35	Khá	
454	21001330	Lý Minh	Lợi	Nam	26/7/2003	Tây Ninh	21C6-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	7,41	Khá	
455	21000002	Lê Hiếu	Nghĩa	Nam	30/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ1	IC3		7,55	Khá	
456	21001171	Lâm Hoàng	Phúc	Nam	16/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ1	IC3		7,83	Khá	
457	21000844	Nguyễn Chí	Phương	Nam	05/01/2003	Đồng Nai	21C6-CNÔ1			6,68	Trung bình	
458	21003875	Lê Ngọc	Thắng	Nam	26/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	7,72	Khá	
459	21001275	Nguyễn Võ Đức	Trọng	Nam	27/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ1	IC3		6,67	Trung bình	
460	21001409	Nguyễn Hải	Đặng	Nam	10/8/2003	Đồng Nai	21C6-CNÔ2			6,43	Trung bình	
461	21001690	Ngô Bá	Đạt	Nam	14/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ2			7,01	Khá	
462	21001421	Trần Quốc	Đạt	Nam	28/01/2003	Đắk Lắk	21C6-CNÔ2	IC3		6,89	Trung bình	
463	21000808	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	07/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ2			7,44	Khá	
464	21001972	Huỳnh Trung	Hậu	Nam	14/01/2003	Vĩnh Long	21C6-CNÔ2			7,09	Khá	
465	21001657	Đình Gia	Huy	Nam	18/01/2003	Sóc Trăng	21C6-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,09	Khá	
466	21001606	Lã Duy	Khang	Nam	03/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ2			6,69	Trung bình	
467	21003627	Lê Vũ Đăng	Khoa	Nam	24/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ2			7,25	Khá	
468	21001436	Lê Trọng	Phát	Nam	12/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ2	IC3		6,64	Trung bình	
469	21001510	Trần Nhật	Quang	Nam	22/9/2003	Sóc Trăng	21C6-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	6,44	Trung bình	
470	21001482	Lê Thanh	Thịnh	Nam	13/9/2003	An Giang	21C6-CNÔ2			6,91	Trung bình	
471	21001537	Trần Phước	Tiến	Nam	17/11/2002	Tiền Giang	21C6-CNÔ2			6,75	Trung bình	
472	21003321	Nguyễn Trung	Tín	Nam	01/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ2		TOEIC 400	7,82	Khá	
473	21002451	Nguyễn Trọng	Tính	Nam	25/4/2003	Vĩnh Long	21C6-CNÔ2	IC3		7,71	Khá	
474	21001851	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	04/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C6-CNÔ2			6,73	Trung bình	

Tổng cộng có 474 sinh viên, trong đó:

Giỏi:	11	2,32 %
Khá:	159	33,54 %
Trung bình	304	64,14 %